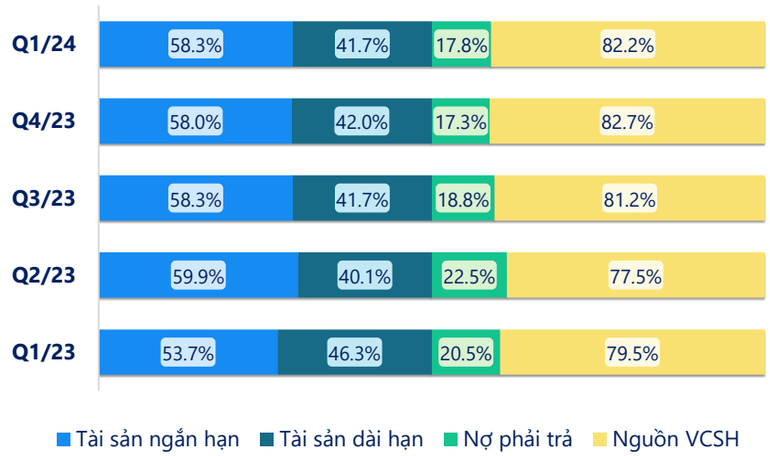
FireAnt

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	494,475
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
P/E	-27.5
EPS	-84

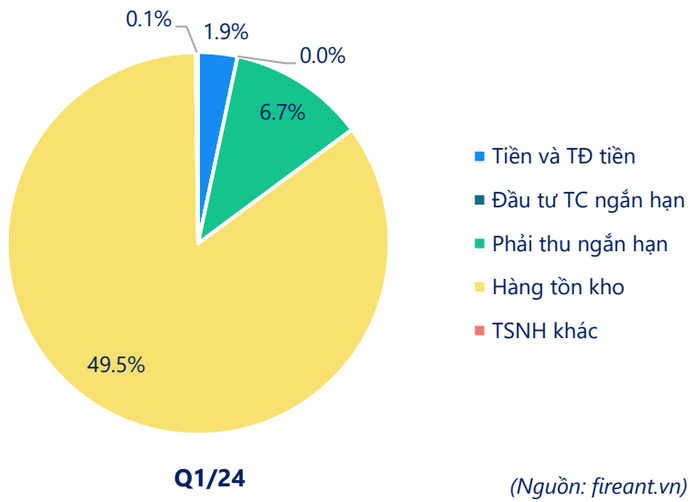
	YTD	1T	3T	6T
KVC	4.5%	4.5%	4.5%	-17.9%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



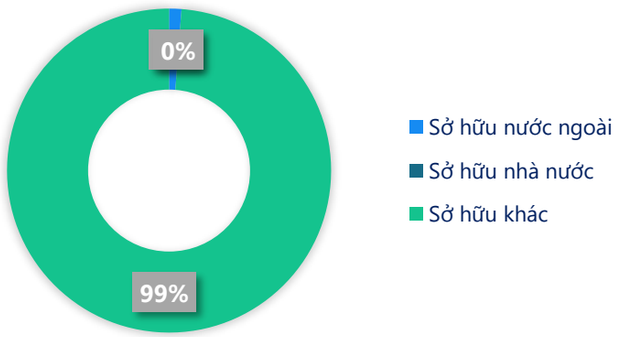
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



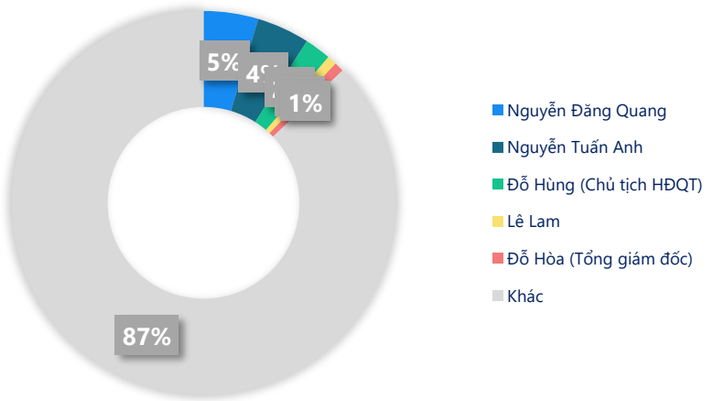
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



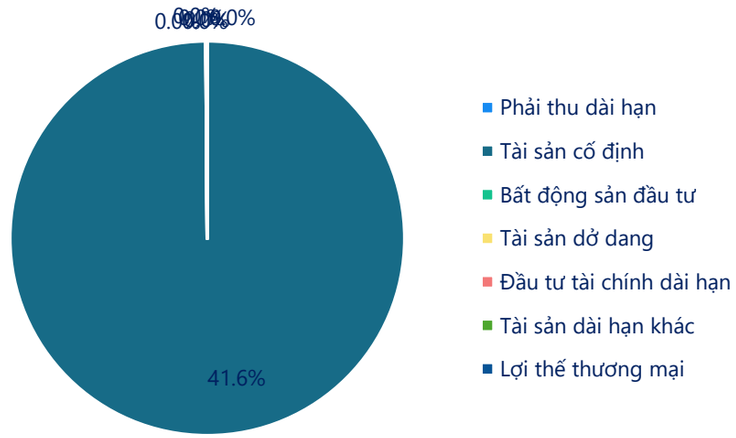
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

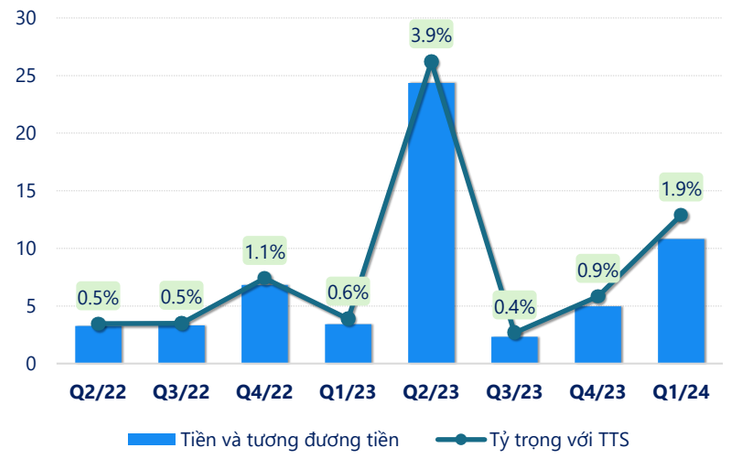


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

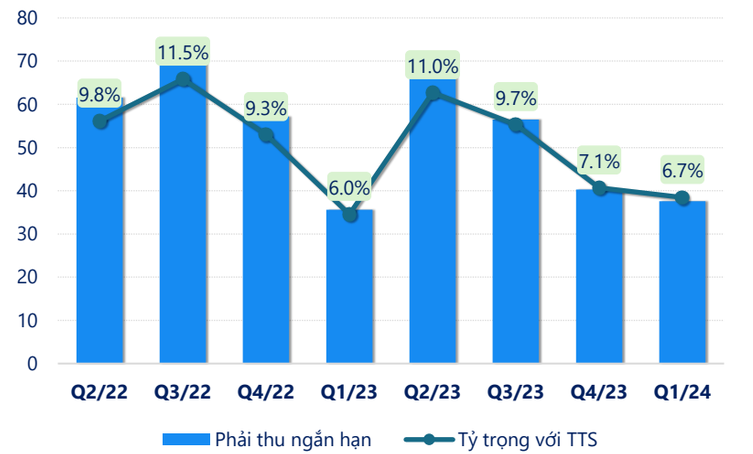
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



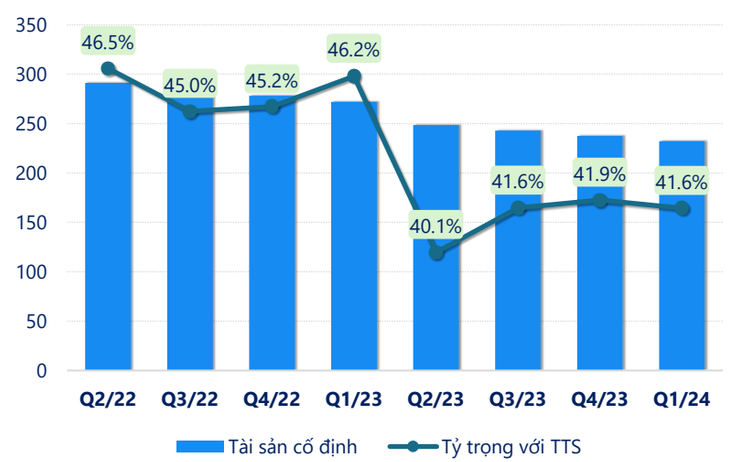
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



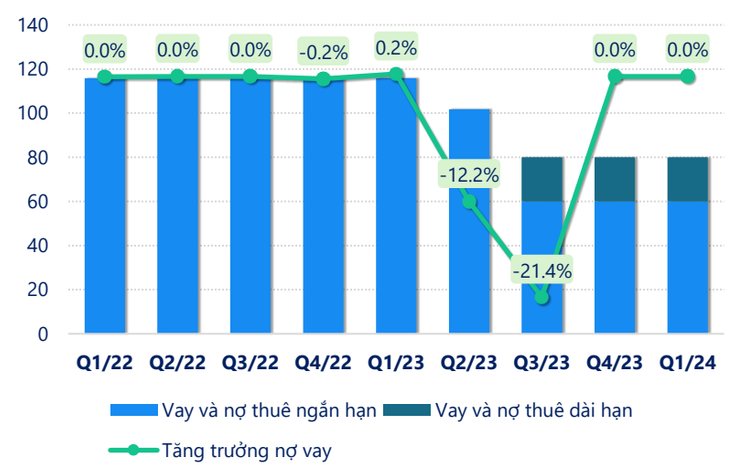
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



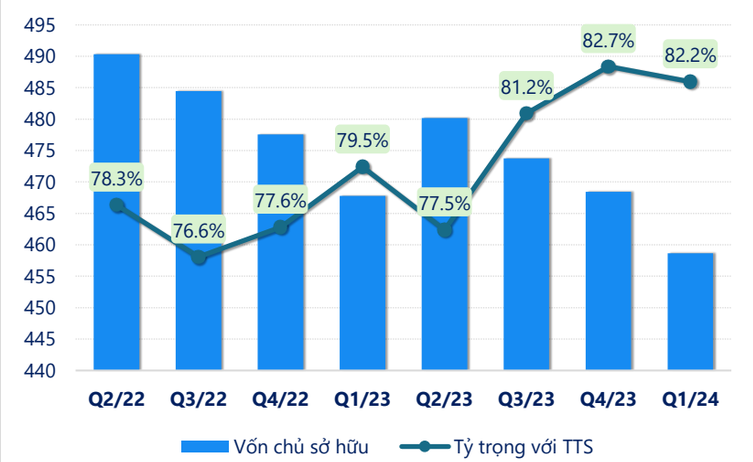
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

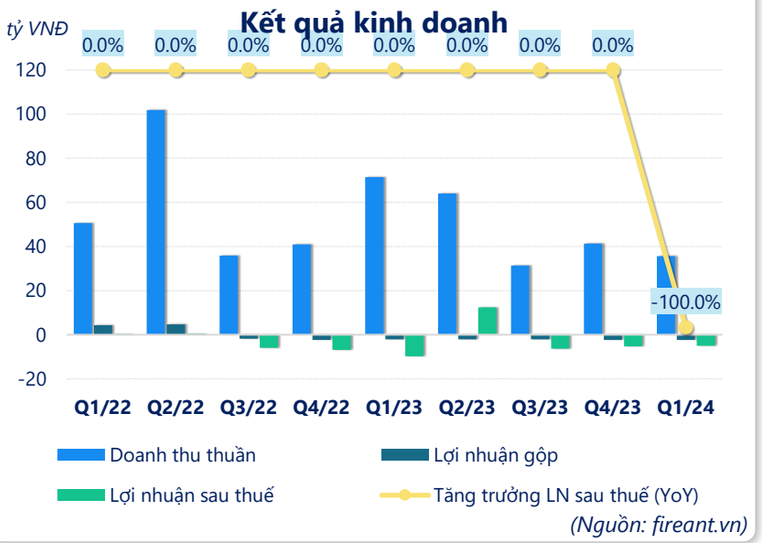


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

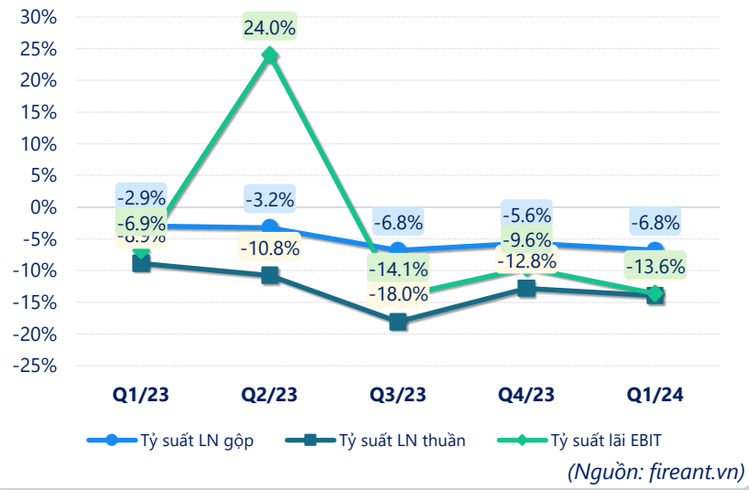
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Kết quả kinh doanh



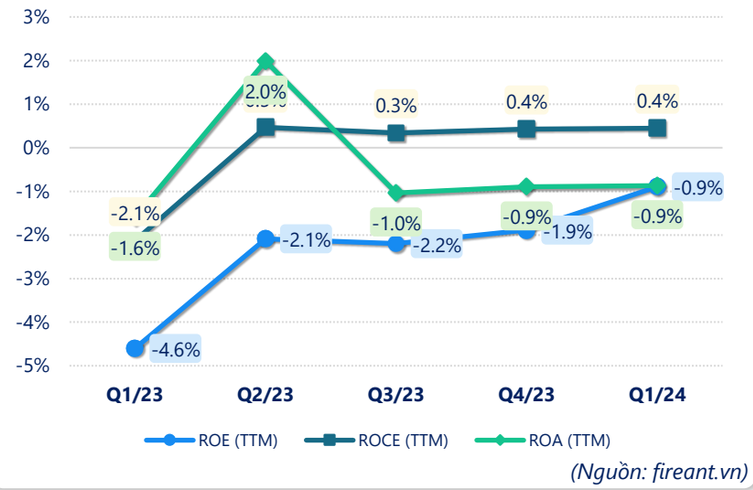
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



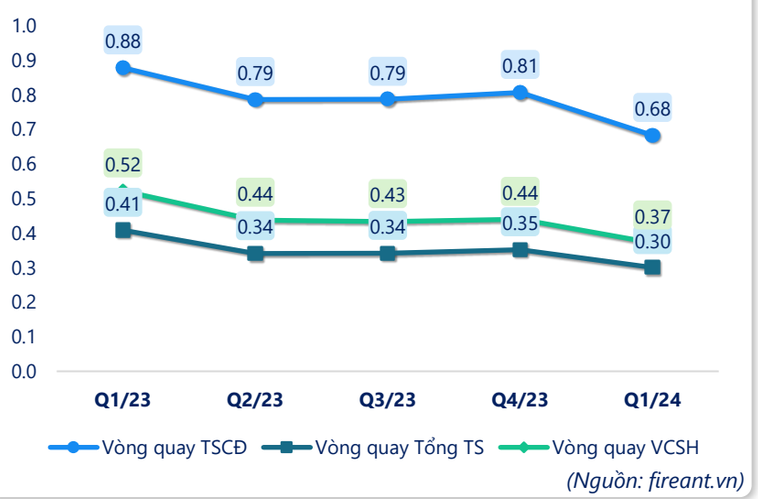
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



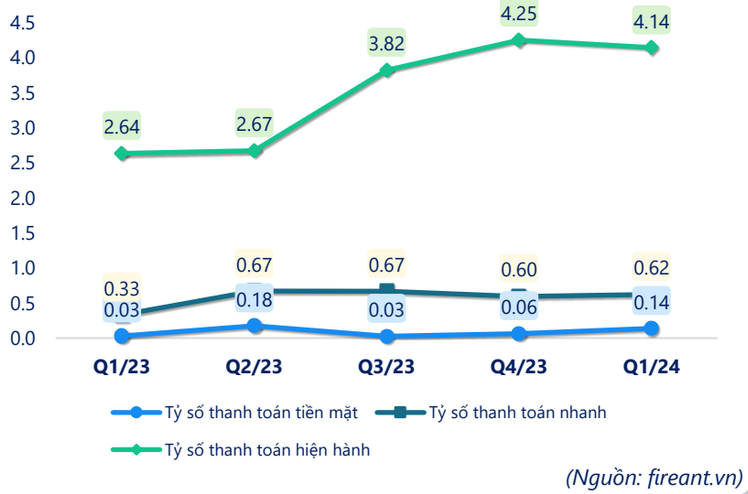
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



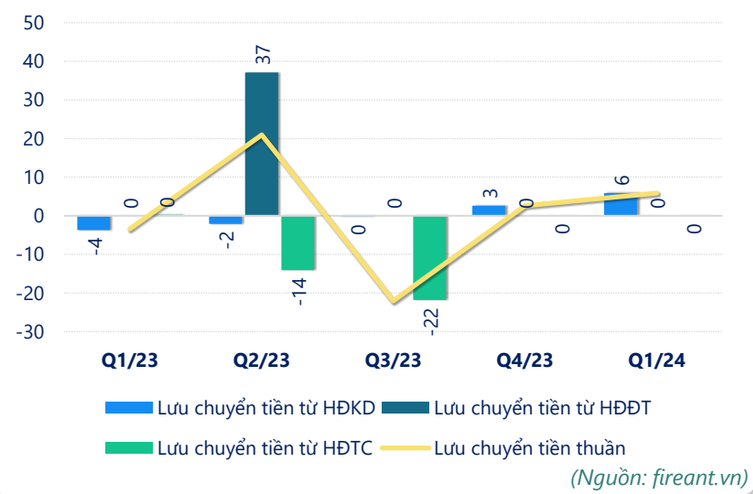
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**558**	**562**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	325	324	0.4%
Tiền và tương đương tiền	10.8	4.96	118%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	37.6	40.3	-6.8%
Hàng tồn kho	276	278	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	0.78	-10.8%
Tài sản dài hạn	**233**	**238**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	232	238	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.04	0.04	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.20	0.20	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.02**	**-33.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.4	98.2	1.2%
Nợ ngắn hạn	**78.6**	**77.4**	**1.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.9	14.0	6.4%
Nợ dài hạn	20.8	20.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**459**	**464**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**459**	**464**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	495	495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	71.4	64.0	31.3	41.4	35.5
Giá vốn hàng bán	73.5	66.0	33.4	43.7	38.0
Lợi nhuận gộp	-2.10	-2.07	-2.13	-2.33	-2.40
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	0.00	0.00
Chi phí TC	2.30	2.94	1.87	1.33	1.12
Chi phí lãi vay	2.30	2.94	1.87	1.33	0.12
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.17	0.16	0.16	0.16	0.18
Chi phí QLDN	1.77	1.72	1.50	1.48	1.27
LN thuần từ HĐKD	-6.32	-6.89	-5.65	-5.29	-4.97
Lợi nhuận khác	-0.87	19.3	-0.63	0.00	0.00
LN trước thuế	-7.19	12.4	-6.28	-5.29	-4.97
Lợi nhuận sau thuế	-9.75	12.4	-6.28	-5.29	-4.97
LNST của CĐ cty mẹ	-9.75	12.4	-6.28	-5.29	-4.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.71	-2.08	-0.20	2.63	5.84
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	37.1	0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.28	-14.1	-21.8	0.00	0.00
Tiền đầu kỳ	6.83	3.41	24.4	2.34	4.96
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.42**	**20.9**	**-22.0**	**2.63**	**5.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.41	24.4	2.34	4.96	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic